

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 01/08/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		PVD1+RC3+RP2	7:25	1+7+14	0+0+0		0+5+17	0+0+0	
2		P2+BK5+BK6	7:25	14+4+4	0+0+0		7+5+4	0+0+0	
3		P1+P2+CTK3	7:25	6+15+1	0+0+0		2+16+3	0+0+0	
4		CLO+BK4+P11	9:25	19+0+3	0+0+0		14+1+6	0+0+0	
5		P2+RP2+RC4	9:25	15+7+0	0+0+0		6+14+2	0+0+0	
6		CTC1+RCDM+RP2	9:25	7+0+14	0+0+0		7+1+14	0+0+0	
7		GTCl+BK8+P2	11:25	12+4+4	0+0+0		0+5+5	0+0+0	Chuyen 2 BK8 P2
8		TD1+RP2+RC3	11:25	5+15+0	0+0+0		6+15+1	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/5 người P2, 1 người RP2, 1 người RC3 đi về trong ngày



FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/08/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: PVD1 - RC3 - RP2	CREW: VThắng - NPhú - THỤ	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LE XUAN THANG	PVD1	01-02	2	26		83	KHOAN	Vietnamese
2	ĐÀO TRƯỜNG SƠN	RC3	95	1	6	20	82	KH-THAC	Vietnamese
3	VŨ LÊ TRUNG	RC3	54	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
4	NGÔ KHANH NAM	RC3	55	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM THỂ MẠNH	RC3	94	1	5		79	KH-THAC	Vietnamese
6	HOANG TUAN CUONG	RC3	97-98	2	15		76	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ MẠNH HÙNG	RC3					71	ANTOAN	Vietnamese
8	PHẠM HỒNG ĐIỀN	RC3	96	1	5		70	GETRACO	Vietnamese
9	NGUYỄN BÌNH LONG	RP2	43	1	9	80	81	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAN TÂN TÀI	RP2	46	1	3		71	KH-THAC	Vietnamese
11	LƯU VĂN ĐIỀN	RP2	37	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN LIÊM	RP2	42	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM XUÂN KHOA	RP2	49	1	12		65	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐỖ ĐỨC CƯỜNG	RP2	47-48	2	5		68	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN NGỌC CHÍNH	RP2	51	1	9		77	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAN CÔNG HOÀNG	RP2	38	1	11		68	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ LAM	RP2	40	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN DƯƠNG PHÚC	RP2	50	1	2		61	KH-THAC	Vietnamese
19	KHALIMOV A	RP2	36	1	14		89	KH-THAC	Russian
20	NGUYỄN HÙNG CƯỜNG	RP2	39	1	4		85	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐINH XUÂN GIANG	RP2	41	1	3		76	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN BÀ DUY	RP2	44-45	2	5		59	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD1	1	2	26	83	0	0		
2	RC3	7	7	41	526	20	5		
3	RP2	14	16	95	1.011	80	17		
TOTAL		22	25	162	1.620	100	22		
WEIGHT KG				162	1.620	100			

GRAND TOAL: 1.882 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 01/08/2022	TO: P2 - BK5 - BK6	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: HUNG - VLinH - DTùng	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ QUANG BÌNH	P2	71-72	2	10		67	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN CÔNG	P2	70	1	5	30	78	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN THU THUY	P2	69	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐÀO THỊ THUY GIANG	P2	73	1	5		47	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐÀO TRUNG KIẾN	P2	61	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	P2	68	1	10		58	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH MINH	P2					70	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN KIM NGỌC	P2					65	KHI	Vietnamese
9	KHÔNG MINH HUNG	P2	77-78	2	10		59	KHI	Vietnamese
10	PHAN THANH LỘC	P2	75	1	5		75	KHI	Vietnamese
11	LÊ THAI HIỀN	P2	79-81	3	7		68	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN HUY HOANG	P2	76	1	7		72	KHI	Vietnamese
13	BAGRAMOV A.	P2	88	1	10		80	KH-THAC	Russian
14	LÊ VĂN LONG	P2	74	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐINH VĂN HAI	BK5	88	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN XUÂN HOANG	BK5	86-87	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAN XUÂN HÒA	BK5				30	65	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN HOANG CAM	BK5	85	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN PHE	BK6	72	1	5		65	PSV	Vietnamese
20	VU VĂN THO	BK6	73	1	8	25	67	KH-THAC	Vietnamese
21	LE NGOC AN	BK6	74	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
22	CHU QUYNH AN	BK6	75	1	5		105	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	14	16	84	941	30	7		
2	BK5	4	4	22	275	30	5		
3	BK6	4	4	23	317	25	4		
TOTAL		22	24	129	1.533	85	16		
WEIGHT KG				129	1.533	85			

GRAND TOAL: 1.747 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 01/08/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	TO: P1 - P2 - CTK3	CREW: TTrung - MTHAO - PTUÁN	ETA: 09:20
VANG-1 <i>A</i>			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ XUÂN QUỲ	P1	67	1	6		105	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN ĐÌNH ĐỨC	P1	43-44	2	15		66	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM TÚ ANH	P1	66	1	5		65	CODIEN	Vietnamese
4	ĐINH MAI THIÊN	P1	68-69	2	15		70	CODIEN	Vietnamese
5	ĐỖ VIỆT LONG	P1	70	1	8		60	CODIEN	Vietnamese
6	PHI THANH HỒNG	P1	71-72	2	17		66	CODIEN	Vietnamese
7	NGUYỄN SƠN TRƯỞNG	P2	53	1	4	60	67	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM QUỐC HIỀN	P2					67	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM NGUYỄN HOÀNG PHÚC	P2	65	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
10	HOÀNG MINH ĐỨC	P2	56	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐOÀN NGUYỄN BẢO CHÂU	P2					62	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN ĐỨC HUY	P2	55	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ VĂN ĐÔNG	P2	57	1	3		85	KH-THAC	Vietnamese
14	DUONG DUC HIEU	P2	63	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
15	VŨ VĂN HIỆU	P2	64	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ NGỌC HAI	P2	54	1	10		95	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN XUÂN PHONG	P2	66	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN TIẾN HÙNG	P2	59	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN PHÚ HỮU	P2	58	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN ĐÌNH NAM	P2	60	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
21	VŨ VĂN NAM	P2	62	1	4		58	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN ĐOÀN	CTK3	43	1	7	60	47	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

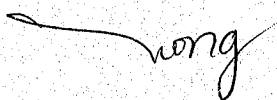
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	6	9	66	432	0	0		
2	P2	15	13	67	1.054	60	16		
3	CTK3	1	1	7	47	60	3		
TOTAL		22	23	140	1.533	120	19		
WEIGHT KG				140	1.533	120			

GRAND TOAL: 1.793 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 01/08/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:30
FLIGHT: 4	TO: CLO - BK4 - P11	CREW: VThắng - NPhú - THỤ	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ NGỌC HOÀN	CLO	37-38	2	10	40	87	KHOAN	Vietnamese
2	ĐOÀN MINH TRUNG	CLO	34	1	7		77	KHOAN	Vietnamese
3	VŨ MINH TỰ	CLO	45	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN LỘC	CLO	48	1	9		70	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN CÔNG TÂM	CLO	51	1	4		69	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN HỮU SƠN	CLO	50	1	5		69	KHOAN	Vietnamese
7	KHUẤT QUANG KIẾN	CLO	46	1	8		65	KHOAN	Vietnamese
8	BUI CÔNG SƠN	CLO	47	1	8		72	KHOAN	Vietnamese
9	ĐỖ THANH LIÊM	CLO	36	1	7		60	KHOAN	Vietnamese
10	PHẠM VĂN TÂM	CLO	42-43	2	17		65	KHOAN	Vietnamese
11	TU QUỐC VIỆT	CLO	35	1	10		67	KHOAN	Vietnamese
12	ĐOÀN VĂN KHUU	CLO	49	1	11		60	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN HỮU LUÂN	CLO	40	1	15		72	KHOAN	Vietnamese
14	NGÔ DUY NGỌC	CLO	44	1	12		66	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐỨC VIỆT	CLO	39	1	10		52	KHOAN	Vietnamese
16	NGÔ TRI HOÀNG	CLO	41	1	10		69	DVL	Vietnamese
17	PHẠM QUANG TRUNG	CLO	31	1	17		80	DVL	Vietnamese
18	NGUYỄN TRỌNG HOÀNG	CLO	53	1	5		67	DVL	Vietnamese
19	HUYNH VŨ TÍNH	CLO	52	1	12		66	DVL	Vietnamese
20	HOANG THANH SƠN	P11	01	1	15		70	XAYLAP	Vietnamese
21	NGO DINH NHAT MINH	P11	04-05	2	20		85	XAYLAP	Vietnamese
22	LE ANH CUONG	P11	02-03	2	17		82	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	19	21	182	1.303	40	12		
2	BK4	0	0	0	0	15	1		
3	P11	3	5	52	237	0	6		
TOTAL		22	26	234	1.540	55	19		
WEIGHT KG				234	1.540	55			

GRAND TOAL: 1.829 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 01/08/2022	TO: P2 - RP2 - RC4	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:35
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: HUNG - VLinH - DTùng	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LUU VAN TU	P2	82	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
2	LE SINH TAM	P2	76	1	6		90	KH-THAC	Vietnamese
3	VU NGOC DUNG	P2	80	1	3	52	67	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VAN HIEU	P2	74	1	13		80	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI THO DUNG	P2	83	1	10		63	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAM VAN QUYEN	P2	81	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN CONG THANH	P2	78	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
8	TANG MANH HA	P2	75	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN NGOC DU	P2	79	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
10	LE DINH HUAN	P2	77	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN HUU KHANH	P2	84	1	8		78	KH-THAC	Vietnamese
12	NGO THANH NAM	P2	73	1	15		65	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYEN DUY KHANG	P2	85	1	5		84	YTE	Vietnamese
14	NGUYEN THE HUNG	P2	88	1	9		70	TTIN	Vietnamese
15	NGUYEN VIET NHUONG	RP2	62	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN HONG QUANG	RP2	56	1	3	70	65	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN XUAN HAI	RP2	61	1	5	18	65	KH-THAC	Vietnamese
18	LUONG NGOC THANH	RP2	63	1	4	40	80	KH-THAC	Vietnamese
19	VU HOANG CAM	RP2	57	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN DUY HUNG	RP2	60	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

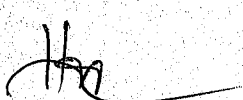
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	14	14	98	992	52	4		THAO 1 GHE DOI CHO HANG
2	RP2	6	6	26	402	128	14		
3	RC4	0	0	0	0	20	2		
TOTAL		20	20	124	1,394	200	20		
WEIGHT KG				124	1,394	200			

GRAND TOAL: 1.718 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 01/08/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:40
FLIGHT: 6	TO: CTC1 - RCDM - RP2	CREW: TTrung - MTHAO - PTUÂN	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI SY HIEU	CTC1	63	1	4	20	65	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN TIEN THUC	CTC1	62	1	7		82	KH-THAC	Vietnamese
3	LE QUANG ANH HUNG	CTC1	67	1	4		58	KH-THAC	Vietnamese
4	LUONG XUAN THANH	CTC1	64	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐAU HUY HOANG	CTC1	65-66	2	14	54	68	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN VAN HUNG	CTC1					75	GETRACO	Vietnamese
7	NGUYEN VAN KIEN	CTC1	61	1	10		60	GETRACO	Vietnamese
8	VU HUU QUAN	RP2	76-77	2	8		64	KH-THAC	Vietnamese
9	LE VIET TRUONG	RP2	90	1	7		64	KH-THAC	Vietnamese
10	HOANG NGOC LAN	RP2	89	1	6		83	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN TRONG MANH	RP2	75	1	6		58	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAM HOANG HUNG	RP2	86-87	2	17		87	KH-THAC	Vietnamese
13	TRAN NGON QUANG DUY	RP2	88	1	13		90	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐAO VAN HOAN	RP2	81	1	16		70	XAYLAP	Vietnamese
15	LE XUAN TINH	RP2	82-83	2	16		77	XAYLAP	Vietnamese
16	VU THANH BINH	RP2	84	1	10		55	XAYLAP	Vietnamese
17	ĐOAN NGOC DINH	RP2	80	1	10		73	XAYLAP	Vietnamese
18	HU SY HUNG	RP2	85	1	8		74	XAYLAP	Vietnamese
19	PHAM TRUNG KIEN	RP2					70	KH-THAC	Vietnamese
20	PHUONG THE TRUNG	RP2	79	1	10		73	XAYLAP	Vietnamese
21	PHAN TRUONG GIANG	RP2	78	1	8		70	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTC1	7	7	46	483	74	7		
2	RCDM	0	0	0	0	0	1		
3	RP2	14	16	135	1.008	0	14		
TOTAL		21	23	181	1.491	74	22		
WEIGHT KG				181	1.491	74			

GRAND TOAL: 1.746 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 01/08/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 11:30
FLIGHT: 7	TO: GTC1 - BK8 - P2	CREW: Linh - Hạnh - Toan	ETA: 13:10
TRANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ TRỌNG DŨNG	GTC1	67-68	2	18		63	CODIEN	Vietnamese
2	LÊ TUẤN ANH	GTC1	98-90	2	11	40	75	CODIEN	Vietnamese
3	LÊ NGỌC HIỆP	GTC1	55,91	2	13		90	CODIEN	Vietnamese
4	ĐỖ NGỌC TÂM	GTC1	74	1	10	20	88	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN KHA	GTC1	75	1	11		70	XAYLAP	Vietnamese
6	TRẦN MINH TÀI	GTC1	86	1	10		67	XAYLAP	Vietnamese
7	TRẦN TRUNG ĐĂNG	GTC1	71	1	15		70	XAYLAP	Vietnamese
8	ĐINH VĂN TÙNG	GTC1	87-88	2	18		67	XAYLAP	Vietnamese
9	LÊ ĐÌNH NINH	GTC1	76	1	13		75	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN QUỐC	GTC1	72-73	2	15		75	XAYLAP	Vietnamese
11	HÀ ĐỨC KHANH	GTC1	65-66	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese
12	PHAN ĐỨC NGUYỄN	GTC1	69-70	2	12		58	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN TẤT HÒA	BK8					70	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN VĂN THUẬN	BK8	300	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN THANH SƠN	BK8	98	1	2	20	60	KH-THAC	Vietnamese
16	BUI ĐẮC CẢNH	BK8	99	1	6		65	PSV	Vietnamese
17	TRAN THE LONG	P2	95	1	10		65	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYEN XUAN DANG	P2	90	1	12		53	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYEN KHAC SON	P2	91-92	2	12		65	XAYLAP	Vietnamese
20	LE KHANH	P2	93-94	2	15		65	XAYLAP	Vietnamese
21	NGO DUC CUONG	P2	89	1	5		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	GTC1	12	19	163	863	60	0		CHUYEN 2 PAX BK8-P2
2	BK8	4	3	13	270	20	5	2	
3	P2	5	7	54	318	0	9		
TOTAL		21	29	230	1.451	80	14		
WEIGHT KG				230	1.451	80			

GRAND TOAL: 1.761 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 01/08/2022	TO: RP2 - TD1 - RC3	AIRCRAFT: 426	ETD: 11:35
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: Dương - TUYỀN - Vũ	ETA: 13:15
NAU-3			

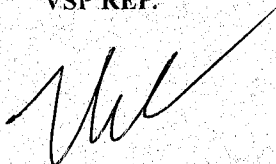
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LE CÔNG THƯỜNG	RP2	87-88	2	15	15	78	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN BỘ	RP2	78-79	2	20		75	XAYLAP	Vietnamese
3	LAM QUANG QUY	RP2	91-92	2	20		80	XAYLAP	Vietnamese
4	HOANG VAN CUONG	RP2	70-71	2	18		72	XAYLAP	Vietnamese
5	BUI CÔNG HUNG	RP2	96-97	2	12		70	XAYLAP	Vietnamese
6	PHẠM VIỆT HUNG	RP2	84-85	2	20		70	XAYLAP	Vietnamese
7	LE ĐÌNH ĐO	RP2	98	1	15	15	80	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN MẠNH HÀ	RP2	93-94	2	20		57	XAYLAP	Vietnamese
9	PHẠM ANH TÚ	RP2	74	1	5	26	78	GETRACO	Vietnamese
10	ĐẠO XUAN THO	RP2	86	1	4		70	GETRACO	Vietnamese
11	TRẦN QUỐC THẮNG	RP2	95	1	5		83	GETRACO	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN THẠCH	RP2	75	1	6		60	GETRACO	Vietnamese
13	TRẦN PHÚC THẾ ANH	RP2	80	1	6		55	GETRACO	Vietnamese
14	NGUYỄN TRI ĐẠT	RP2	82-83	2	10		55	GETRACO	Vietnamese
15	HOANG VAN LINH	RP2	76-77,81	3	20		65	YTE	Vietnamese
16	LE DINH HOAN	RP2	72-73	2	12		68	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN QUANG ANH	TD1	032	1	6		65	AN TOAN	Vietnamese
18	LE THANH THAI	TD1	05-06	2	20		100	KHOAN	Vietnamese
19	LE HUU HUNG	TD1	01	1	12		74	KHOAN	Vietnamese
20	TRẦN ANH VINH	TD1	02	1	8		58	DVL	Vietnamese
21	BUI BACH DUONG	TD1	04	1	12		73	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

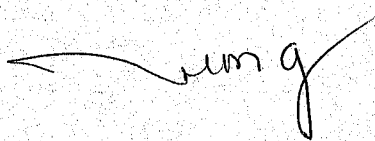
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	16	27	208	1.116	56	15		120KG HÀNG VE TU TD1
2	TD1	5	6	58	370	0	6		
3	RC3	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		21	33	266	1.486	56	22		
WEIGHT KG				266	1.486	56			

GRAND TOTAL: 1.808 KGS

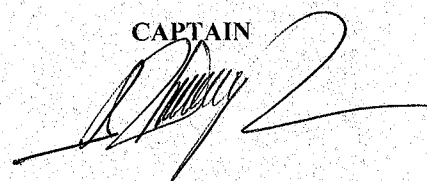
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 02/08/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD1+BK9+BK10	7:25	15+5+0	0+0+0		13+0+9	0+0+0	
2		RP3+TD2	7:25	11+11	0+0		0+22	0+0	
3		BK16+PPD+P7	9:25	2+0+15	0+0+0		0+5+17	0+0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/08/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: TD1 - BK9 - BK10	CREW: CHIÊN - Linh - MQUÂN	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN NHƯ BẢNG	TD1	18	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN DANH QUY	TD1					75	KHOAN	Vietnamese
3	MAI VĂN HỘI	TD1					74	KHOAN	Vietnamese
4	HOANG VĂN DUY	TD1	21	1	6		65	KHOAN	Vietnamese
5	LÊ VĂN HOÀN	TD1	22	1	6		77	KHOAN	Vietnamese
6	VŨ ĐỨC TOÀN	TD1	19	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
7	PHẠM MINH THĂNG	TD1	12	1	4		78	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN TRỌNG THĂNG	TD1					52	KHOAN	Vietnamese
9	BUI VĂN NINH	TD1	20	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
10	DƯƠNG THANH TÙNG	TD1	16	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
11	SHCHERBAKOV	TD1	14	1	7		100	KHOAN	Russian
12	PHẠM VĂN PHƯƠNG HÙNG	TD1	13	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
13	BADRETDINOV EDGAR	TD1	17	1	5		76	KHOAN	Russian
14	NGUYỄN VĂN THỰC	TD1	15	1	14		82	KHOAN	Vietnamese
15	CU THANH NHAN	TD1	11	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
16	PHAN NGOC TUAN ANH	BK9	11-12	2	20		79	XAYLAP	Vietnamese
17	LÊ VĂN QUANG	BK9	07-08	2	16	31	74	XAYLAP	Vietnamese
18	HOANG THAI TAI	BK9	13-14	2	9		75	XAYLAP	Vietnamese
19	TRẦN MẠNH HÙNG	BK9	05-06	2	20		75	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN HỮU TUAN	BK9	09-10	2	12		60	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	15	12	72	1.100	0	13		
2	BK9	5	10	77	363	31	0		
3	BK10	0	0	0	0	20	9		
TOTAL		20	22	149	1.463	51	22		
WEIGHT KG				149	1.463	51			

GRAND TOAL: 1.663 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/08/2022	TO: RP3 - TD2	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: TTrung - TUYỀN - DTùng	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TẤT KHANH	RP3	89-90	2	15	60	72	KHI	Vietnamese
2	VU DUY PHUONG	RP3	88	1	6		58	KHI	Vietnamese
3	VÔ PHI HỒ	RP3	95	1	11		87	KHI	Vietnamese
4	LÊ HỮU ĐẠT	RP3	91-92	2	8		69	KHI	Vietnamese
5	KHUƠNG VĂN ĐỊNH	RP3	93	1	8		65	KHI	Vietnamese
6	ĐO QUỐC PHONG	RP3	94	1	7		77	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN PHÚC	RP3	86-87	2	9		80	KHI	Vietnamese
8	ĐO QUỐC VŨ	RP3	900	1	10		58	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	RP3	97-99	3	13		85	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN CÔNG KHOAI	RP3	96	1	12		68	XAYLAP	Vietnamese
11	BUI HUU HONG	TD2				4	89	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN ANH TUAN	TD2					65	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN THANH BÌNH	TD2	75	1	8		80	KHOAN	Vietnamese
14	BUI TRUNG THỌ	TD2					71	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN THANH TÙNG	TD2	74	1	3		57	KHOAN	Vietnamese
16	PHẠM ĐÌNH THUYẾT	TD2	73	1	3		78	KHOAN	Vietnamese
17	PHẠM SỸ NGỌC MINH	TD2	72	1	3		72	KHOAN	Vietnamese
18	TRẦN QUANG HÙNG	TD2	76	1	12		77	KHOAN	Vietnamese
19	PHẠM VĂN QUÂN	TD2	67	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN ĐỨC THANH	TD2	77-78	2	10		67	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	10	15	99	719	60	1		
2	TD2	10	8	49	731	4	21		
TOTAL		20	23	148	1.450	64	22		
WEIGHT KG				148	1.450	64			

GRAND TOTAL: 1.662 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/08/2022	TO: BK16 - PPD - P7	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: CHIẾN - Linh - MQUÂN	ETA: 11:40
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN THUA THAI	BK16	91-93	3	28		62	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYEN THANH TUNG	BK16	94-95	2	30		75	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYEN BA LUONG	P7				70	68	KHOAN	Vietnamese
4	TRAN QUOC TUAN	P7	31	1	6		64	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN HUY HUNG	P7	27-28	2	14		65	KHOAN	Vietnamese
6	BUI NGOC LAM	P7	88	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
7	VU VAN DOANH	P7					72	KHOAN	Vietnamese
8	VO VAN HUNG	P7	29	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN VAN DAM	P7	91	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
10	TRAN LE KIEN	P7	90	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN QUANG HAO	P7	26	1	5		88	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN VAN CHAN	P7	89	1	2		55	KHOAN	Vietnamese
13	PHAN TUAN LONG	P7	32-33	2	4		69	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN QUOC TUAN	P7	30	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
15	PHAM XUAN HUY	P7	34	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN XUAN QUANG	P7	87	1	3		68	KHOAN	Vietnamese
17	BUI VAN TUAN	P7	92	1	7		71	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK16	2	5	58	137	0	0		
2	PPD	0	0	0	0	0	5		
3	P7	15	15	76	1.069	70	17		
TOTAL		17	20	134	1.206	70	22		
WEIGHT KG				134	1.206	70			

GRAND TOAL: 1.410 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN